



zhōng chǎn jiē jí

中产阶级

noun · middle class

Example Sentences

Zhōng chǎn jiē jí shì shè huì wěn dìng de zhòng yào lì liàng
中产阶级是社会稳定的重要力量。

The middle class is an important force for social stability.

Xǔ duō zhōng chǎn jiē jí jiā tíng zhòng shì zǐ nǚ jiào yù
许多中产阶级家庭重视子女教育。

Many middle-class families value their children's education.

Trace each character, then write the word on your own.

中	中	中	中	中	中	中				
产	产	产	产	产	产	产	产	产		
阶	阶	阶	阶	阶	阶	阶	阶	阶		
级	级	级	级	级	级	级	级	级		